



Báo cáo Chất lượng nước uống hằng năm 2025 Charlotte Water

Số hiệu hệ thống cấp nước: 01-60-010

Giới thiệu

Chúng tôi rất vui được cung cấp đến quý khách Báo cáo Chất lượng nước uống hằng năm của năm nay. Báo cáo này là một kết quả kiểm tra mang tính thời điểm cho chất lượng nước của năm trước. Báo cáo này bao gồm các chi tiết về (các) nguồn nước của quý khách, thành phần của nước, và bản so sánh chất lượng nước với các tiêu chuẩn được quy định bởi các cơ quan quản lý. Mục tiêu không đổi của chúng tôi là cung cấp đến quý khách nguồn nước uống an toàn và đáng tin cậy. Chúng tôi muốn quý khách hiểu về các nỗ lực của chúng tôi để liên tục cải thiện quy trình xử lý nước và bảo vệ tài nguyên nước của chúng ta. Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng nước uống của quý khách và cung cấp cho quý khách thông tin này bởi vì những khách hàng có đầy đủ thông tin chính là những đồng minh tốt nhất của chúng tôi. **Nếu quý khách có bất kỳ câu hỏi nào về báo cáo này hoặc về nguồn nước của mình, vui lòng gọi số dịch vụ khách hàng 311 hoặc 704-336-7600 của chúng tôi. Chúng tôi muốn các quý khách hàng của mình biết về dịch vụ cung cấp nước cho họ. Nếu quý khách muốn tìm hiểu thêm, vui lòng tham gia bất kỳ buổi họp định kỳ nào của chúng tôi. Những buổi họp này được tổ chức ở Charlotte-Mecklenburg Government Center, 699 E Fourth St, Charlotte, NC 28202.** Quý khách cũng có thể tìm thêm thông tin về chất lượng nước trên website của chúng tôi:

<https://www.charlottenc.gov/water/Water-Quality>

Những điều EPA muốn quý khách nắm được

Nước uống, bao gồm nước đóng chai, trong dự đoán hợp lý, có thể chứa tối thiểu một lượng nhỏ chất gây ô nhiễm. Sự tồn tại của các chất gây ô nhiễm không nhất thiết cho thấy nguồn nước ẩn chứa một nguy cơ về sức khỏe. Có thể lấy thông tin bổ sung về chất gây ô nhiễm và tác động tiềm năng đến sức khỏe bằng cách gọi Đường dây nóng Nước uống an toàn của Cục Bảo vệ Môi sinh Hoa Kỳ (800-426-4791) hoặc tại

<https://www.epa.gov/aboutepa/epa-hotlines#drinking>

Một số người có thể nhạy cảm với các chất gây ô nhiễm trong nước uống hơn so với cộng đồng chung. Những người bị suy giảm miễn dịch, chẳng hạn như người mắc ung thư đang được điều trị hóa trị, người đã trải qua ghép tạng, người có HIV/AIDS hoặc những rối loạn về hệ miễn dịch khác, một số người già, và một số trẻ sơ sinh đều có nguy cơ nhiễm trùng. Những người này nên tìm kiếm lời khuyên về nước uống từ bác sĩ của họ. Hướng dẫn của EPA/CDC về các biện pháp phù hợp để giảm rủi ro nhiễm khuẩn *Cryptosporidium* và các chất gây nhiễm khuẩn khác có tại Đường dây nóng Nước uống an toàn (800-426-4791), safewater@epa.gov hoặc tại

<https://www.epa.gov/aboutepa/epa-hotlines#drinking>

Các nguồn nước uống (cả nước vòi và nước đóng chai) bao gồm sông, hồ, suối, ao, hồ chứa nước, rạch, và giếng nước. Khi nước chảy trên mặt đất hay chảy ngầm, nó sẽ phân hủy các khoáng chất có trong tự nhiên và, trong một số trường hợp, vật liệu phóng xạ, và có thể hấp thụ các chất phát sinh từ hoạt động của động vật hoặc con người. Các chất gây ô nhiễm có thể tồn tại trong nguồn nước bao gồm chất gây nhiễm khuẩn, chẳng hạn như siêu vi trùng và vi khuẩn, vốn có thể sinh ra từ các nhà máy xử lý chất thải, hầm tự hoại, hoạt động nuôi gia cầm trong nông nghiệp, và sinh vật hoang dã; các chất gây ô nhiễm vô cơ, bao gồm muối và kim loại, vốn có thể sinh ra trong tự nhiên hoặc phát sinh từ dòng chảy nước mưa đô thị, nước thải công nghiệp hoặc sinh hoạt, sản xuất dầu và khí đốt, khai thác mỏ, hoặc canh tác nông nghiệp; thuốc diệt cỏ và diệt sâu, có thể đến từ nhiều nguồn chẳng hạn như nông nghiệp, dòng chảy nước mưa đô thị, và sử dụng trong khu dân cư; chất gây ô nhiễm hóa chất hữu cơ, bao gồm hóa chất hữu cơ bất ổn và tổng hợp, vốn là phó phẩm của các quy trình công nghiệp và sản xuất xăng, và cũng có thể được thải ra từ các trạm xăng, dòng chảy nước mưa đô thị, và bể tự hoại; và chất gây ô nhiễm phóng xạ, vốn có thể sinh ra trong tự nhiên hoặc là kết quả của việc sản xuất dầu và khí đốt và các hoạt động khai mỏ.

Để đảm bảo nước vòi đủ an toàn để uống, EPA có các quy định giới hạn lượng của một số chất gây ô nhiễm nhất định trong nước do các hệ thống cấp nước công cộng cung cấp. Quy định của FDA thiết lập giới hạn về các chất gây ô nhiễm trong nước đóng chai, nhằm cung cấp sự bảo vệ tương tự cho sức khỏe cộng đồng.

Chì trong nước uống

Chì có thể gây các vấn đề nghiêm trọng cho sức khỏe, đặc biệt cho phụ nữ mang thai và trẻ nhỏ. Chì trong nước uống chủ yếu đến từ các vật liệu và thành phần liên quan đến đường dây điện và đường ống nước gia đình. Charlotte Water có trách nhiệm cung cấp nước uống chất lượng cao và loại bỏ các đường ống chì nhưng không thể kiểm soát các loại vật liệu được sử dụng trong thành phần đường ống. Quý khách có chung trách nhiệm trong việc bảo vệ bản thân và gia đình khỏi chì trong đường ống tại nhà quý khách. Quý khách có thể chịu trách nhiệm bằng cách xác định và loại bỏ các vật liệu chì trong đường ống gia đình và thực hiện các bước để giảm thiểu rủi ro của gia đình. Trước khi uống nước tại vòi, xả đường ống trong vài phút bằng cách bật nước vòi, tắm, giặt hoặc rửa bát. Quý khách cũng có thể sử dụng bộ lọc được chứng nhận bởi một tổ chức chứng nhận được Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ công nhận để giảm lượng chì trong nước uống. Nếu quý khách lo ngại về chì trong nước của mình và muốn kiểm tra nước của mình, hãy liên hệ với Charlotte Water qua số 311 hoặc 704-336-7600. Thông tin về chì trong nước uống, phương thức kiểm tra, và các bước mà quý khách có thể thực hiện để giảm thiểu nguy cơ phơi nhiễm có sẵn tại <http://www.epa.gov/safewater/lead>

Chúng tôi đã và đang thực hiện việc xác định các vật liệu của đường ống dịch vụ trong toàn hệ thống cấp nước, đồng thời lập một bảng kiểm kê tất cả các đường ống dịch vụ trong hệ thống cấp nước của chúng tôi. Để truy cập bảng kiểm kê này, hãy vào trang web của chúng tôi: <https://charlottewaterlead.org/>

Khi quý khách bật vòi nước, hãy cân nhắc về nguồn nước

Hồ Mountain Island và Hồ Norman cung cấp cho các nhà máy xử lý nước của chúng tôi nguồn nước chất lượng cao cho gia đình, doanh nghiệp và trường học của quý khách. Các nguồn nước bề mặt này là một phần của Lưu vực sông Catawba, vốn cung cấp nước cho hơn 1,5 triệu người trong khu vực đang phát triển của chúng ta. Charlotte Water vận hành 3 nhà máy xử lý nước với tổng công suất xử lý trung bình 125 triệu gallon nước mỗi ngày.

Quy trình xử lý của chúng tôi

Từ rất lâu trước khi quý khách bước vào phòng tắm hoặc bật vòi nước, các nhân viên Charlotte Water đã hoàn tất nhiều quy trình để bảo vệ nước uống của chúng tôi và những người sử dụng nguồn nước. Đầu tiên, chúng tôi bơm nước từ Hồ Mountain Island và Hồ Norman đến một trong 3 nhà máy xử lý nước - Franklin, Dukes, hoặc Vest. Chúng tôi bổ sung bột than hoạt tính để kiểm soát mùi và vị, sau đó là muối nhôm sunfat (phèn) trong giai đoạn trộn nhanh để kết tủa các phân tử bụi, chúng sẽ được loại bỏ trong quá trình lắng xuống. Sau đó, dòng nước sẽ chảy qua các bộ lọc, vốn có thể chặn các phân tử nhỏ hơn nữa. Chúng tôi bổ sung clo để ngăn vi khuẩn sinh sôi và florua để cải thiện sức khỏe răng miệng. Chúng tôi cũng bổ sung chanh để điều chỉnh pH của nước, điều này giúp ngăn ngừa tình trạng ăn mòn đường ống và rò rỉ kim loại vào nước. Sau đó, chúng tôi bơm nước tới các gia đình, doanh nghiệp và hồ chứa nước thông qua hơn 4.664 dặm đường ống nước.

Kết quả của Chương trình Đánh giá nguồn nước (SWAP)

Sở Chất lượng môi trường (DEQ) Bắc Carolina, Bộ phận Cấp nước công cộng (PWS), Chương trình Đánh giá nguồn nước (SWAP) đã tiến hành đánh giá tất cả các nguồn nước uống trên khắp Bắc Carolina. Mục đích của đánh giá là nhằm xác định nguy cơ nhiễm các Nguồn chất gây ô nhiễm tiềm năng (PCS) của mỗi nguồn nước uống (nhận nước giếng hoặc nước trên bề mặt). Kết quả của đánh giá được cung cấp trong Báo cáo đánh giá SWAP bao gồm bản đồ, thông tin nền và điểm nguy cơ tương đối là Cao, Trung bình hay Thấp.

Điểm nguy cơ tương đối của mỗi nguồn cho Charlotte Water được xác định bằng cách kết hợp điểm chất gây ô nhiễm (số và vị trí của các PCS trong khu vực đánh giá) và điểm nguy hiểm cố hữu (nghĩa là đặc tính hay tình trạng hiện tại của giếng nước hay lưu vực sông và khu vực đánh giá được vẽ). Kết quả đánh giá được tóm tắt trong bảng sau:

Nguy cơ nhiễm các Nguồn chất gây ô nhiễm tiềm năng (PCS)

Nguồn	Điểm nguy cơ	Ngày báo cáo SWAP
Hồ Mt. Island/Sông Catawba	Trung bình	Tháng 9 năm 2020
Hồ Norman	Cao	Tháng 9 năm 2020

Ngày báo cáo: 9 tháng 9 năm 2020

Toàn bộ báo cáo Đánh giá SWAP cho Charlotte Water có thể được xem trên trang web <https://www.ncwater.org/?page=600>. Lưu ý: bởi kết quả SWAP và báo cáo được cập nhật định kỳ bởi Bộ phận PWS, các kết quả có sẵn trên website này có thể khác với kết quả được cung cấp tại thời điểm soạn Báo cáo Chỉ số niềm tin người tiêu dùng (CCR) này. Nếu không thể xem báo cáo SWAP trên web, quý khách có thể gửi một văn bản yêu cầu bản in báo cáo đến cho: Source Water Assessment Program – Report Request, 1634 Mail Service Center, Raleigh, NC 27699-1634, hoặc qua email tới swap@deq.nc.gov. Vui lòng nói rõ tên hệ thống, số hiệu, và cung cấp tên, địa chỉ gửi thư và số điện thoại của quý khách. Nếu quý khách có bất kỳ câu hỏi nào về báo cáo SWAP, hãy liên hệ với nhân viên của Chương trình Đánh giá nguồn nước qua số điện thoại 919-707-9098 hoặc email tại swap@deq.nc.gov.

Quý khách cần hiểu rằng một điểm nguy cơ “cao” không ngầm định nguồn nước chất lượng kém, mà chỉ là hệ thống đó có tiềm năng bị ô nhiễm bởi các PCS trong khu vực đánh giá.

Giúp bảo vệ nguồn nước của quý khách

Việc bảo vệ nguồn nước uống là trách nhiệm của tất cả mọi người. Charlotte Water hợp tác với Dịch vụ Nước mưa Charlotte-Mecklenburg (Charlotte-Mecklenburg Storm Water Services), Năng lượng Duke (Duke Energy), Lake Norman Marine Commission, Đại học NC State University, và Phòng Chất lượng Môi trường của NC (NC Department of Environmental Quality) để mở rộng phạm vi lấy mẫu chất lượng nguồn nước tại Hồ Norman và Hồ Mountain Island. Quý khách có thể giúp bảo vệ (các) nguồn nước uống của cộng đồng theo nhiều cách khác nhau: Nếu quý khách thấy hoặc nghi ngờ nguồn nước bị ô nhiễm, rò rỉ nước, hoặc tràn chất thải, hãy gọi **311 hoặc 704-336-7600**. Chúng tôi luôn trực máy 24/7, 365 ngày mỗi năm. Hãy tiêu hủy hóa chất đúng cách và đưa dầu máy đã qua sử dụng đến 4 trung tâm tái chế của Hạt Mecklenburg. Chỉ xả giấy vệ sinh xuống bồn cầu. Tất cả các sản phẩm khác đều phải được vứt vào thùng rác, bao gồm cả các loại giấy lau xả được.

Số vi phạm mà hệ thống cấp nước của quý khách nhận được trong năm báo cáo

Trong năm 2025, chúng tôi đã tiếp nhận **0** vi phạm về nước uống.

Định nghĩa quan trọng về nước uống:

Cấp độ hành động (AL) - Nồng độ của một chất gây ô nhiễm mà nếu vượt quá, hệ thống cấp nước sẽ phải xử lý hoặc tuân theo các yêu cầu khác.

Thuốc diệt cỏ – Bất kỳ hóa chất nào được sử dụng để kiểm soát thực vật không mong muốn.

Mức trung bình năm liên tục của địa điểm (LRAA) – Mức trung bình của kết quả phân tích mẫu cho các mẫu thu được tại một địa điểm giám sát cụ thể trong 4 quý trước đó theo Quy tắc về Chất khử trùng và phó phẩm khử trùng giai đoạn 2.

Cấp chất gây ô nhiễm tối đa (MCL) - Cấp độ chất gây ô nhiễm tối đa được cho phép trong nước uống. MCL được quy định gần sát với MCLG bằng công nghệ xử lý tốt nhất có thể sử dụng.

Mục tiêu về cấp chất gây ô nhiễm tối đa (MCLG) - Nếu cấp độ chất gây ô nhiễm trong nước uống thấp hơn mức này, thì không có rủi ro đã biết hay được dự tính nào cho sức khỏe. MCLG có cho phép một biên độ an toàn.

Cấp độ dư chất khử trùng tối đa (MRDL) – Cấp độ chất khử trùng tối đa được cho phép trong nước uống. Có một bằng chứng thuyết phục rằng việc bổ sung một chất khử trùng là cần thiết để kiểm soát các chất gây nhiễm khuẩn.

Mục tiêu về cấp độ dư chất khử trùng tối đa (MRDLG) – Nếu cấp độ chất khử trùng trong nước uống thấp hơn mức này, thì không có rủi ro đã biết hay được dự tính nào cho sức khỏe. MRDLG không phản ánh lợi ích của việc sử dụng chất khử trùng để kiểm soát các chất gây nhiễm khuẩn.

Đơn vị đo độ đục (NTU) - Đơn vị đo độ đục là số đo về độ trong của nước. Người bình thường chỉ nhận thấy khi độ đục vượt quá 5 NTU.

Không phát hiện (ND) - Phân tích phòng thí nghiệm cho thấy chất gây ô nhiễm không tồn tại ở cấp độ phát hiện được quy định cho phương pháp cụ thể được sử dụng.

Không áp dụng (N/A) – Thông tin không áp dụng/không cần thiết cho hệ thống cấp nước cụ thể đó hoặc cho quy tắc đó.

Phần triệu (ppm) hoặc Miligam trên lít (mg/L) - Một phần triệu tương ứng với một phút trong 2 năm hoặc một penny trong 10.000 đô-la.

Phần tỷ (ppb) hoặc Microgam phần lít (ug/L) - Một phần tỷ tương ứng với một phút trong 2.000 năm hoặc một penny trong 10.000.000 đô-la.

Phần nghìn tỷ (ppt) hoặc Nanogam phần lít (nanogam/L) - Một phần nghìn tỷ tương ứng với một phút trong 2.000.000 năm hoặc một penny trong 10.000.000.000 đô-la.

Phần triệu tỷ (ppq) hoặc Picogam trên lít (picogam/L) - Một phần triệu tỷ tương ứng với một phút trong 2.000.000.000 năm hoặc một penny trong 10.000.000.000.000 đô-la.

Thuốc trừ sâu – Nói chung, là bất kỳ chất hoặc hỗn hợp chất nào được dùng để ngăn ngừa, tiêu diệt, xua đuổi hoặc làm giảm tác hại của sâu bệnh bất kỳ.

PWS - Phòng Quản lý Nước Công cộng thuộc Sở Chất lượng Môi trường Bang NC

Mức trung bình năm liên tục (RAA) – Mức trung bình của các mẫu được lấy tại tất cả các địa điểm trong hệ thống.

Tổng lượng cacbon hữu cơ (TOC) - Không có tác động đến sức khỏe, tuy nhiên, chất hữu cơ là một phương tiện để tạo nên các phó phẩm khử trùng. Tiêu chí tuân thủ TOC chỉ được áp dụng cho nước đã được xử lý.

Kỹ thuật xử lý (TT) - Một quy trình bắt buộc nhằm giảm cấp độ chất gây ô nhiễm trong nước uống.

Dữ liệu chất lượng nước - Bảng chất gây ô nhiễm được phát hiện

Chúng tôi thường xuyên giám sát hơn 150 chất gây ô nhiễm trong nước uống của quý khách theo luật pháp Liên bang và Tiểu bang. Bảng sau đây liệt kê tất cả các chất gây ô nhiễm nước uống mà chúng tôi đã phát hiện trong vòng lấy mẫu gần nhất cho mỗi nhóm chất gây ô nhiễm. Sự tồn tại của các chất gây ô nhiễm không nhất thiết cho thấy nguồn nước ẩn chứa một nguy cơ về sức khỏe. **Trừ phi được lưu ý khác đi, dữ liệu có trong bảng này được ghi nhận từ các kiểm tra được thực hiện từ ngày 1 tháng 1 đến hết 31 tháng 12 năm 2025.** EPA và Tiểu bang cho phép chúng tôi giám sát một số chất gây ô nhiễm nhất định ít hơn một lần mỗi năm, bởi nồng độ của các chất gây ô nhiễm này được dự kiến không thay đổi đáng kể qua các năm. Một số dữ liệu, tuy đại diện cho chất lượng nước, đã cũ hơn 1 năm.

Bảng chất gây ô nhiễm được phát hiện

Chất gây ô nhiễm chì và đồng

Chất gây ô nhiễm (đơn vị)	Năm lấy mẫu	Nước của quý khách (Phân vị thứ 90)	Số địa điểm tìm thấy cao hơn AL	Phạm vi Thấp Cao	MCLG	AL	Nguồn gây ô nhiễm được nghi vấn
Đồng (ppm) (Phân vị thứ 90)	2025	ND	0	ND - 0,084	1,3	AL=1,3	Ăn mòn hệ thống đường ống hộ gia đình; ăn mòn mỏ thiên nhiên
Chì (ppb) (Phân vị thứ 90)	2025	ND	1	ND - 44	0	AL=15	Ăn mòn hệ thống đường ống hộ gia đình; ăn mòn mỏ thiên nhiên

Bảng trên tổng hợp số liệu gần nhất về lấy mẫu chì và đồng tại vòi. Nếu quý khách muốn xem xét toàn bộ dữ liệu lấy mẫu chì tại vòi, vui lòng email cho chúng tôi ở địa chỉ info@charlottewaterlead.org

Tiếp xúc với chì trong nước uống có thể gây ra những tác động nghiêm trọng đến sức khỏe ở mọi lứa tuổi. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ có thể bị suy giảm chỉ số IQ và khả năng tập trung. Tiếp xúc với chì có thể dẫn đến các vấn đề mới về học tập và hành vi hoặc làm trầm trọng thêm các vấn đề hiện có về học tập và hành vi. Trẻ em có mẹ tiếp xúc với chì trước hoặc trong khi mang thai có thể tăng nguy cơ chịu những tác động tiêu cực đến sức khỏe như vậy. Người lớn có thể tăng nguy cơ mắc bệnh tim mạch, huyết áp cao, các vấn đề về thận hoặc hệ thần kinh.

Tổng trihalomethane (TTHM) và axit haloacetic (năm) (HAA5) của phó phẩm khử trùng (DBP) giai đoạn 2

Phó phẩm khử trùng	Năm Đã lấy mẫu	Vi phạm MCL Có/Không	Nước của quý khách (LRAA cao nhất)	Phạm vi Thấp - Cao	MCLG	MCL	Nguồn gây ô nhiễm được nghi vấn
TTHM (ppb)	2025	Không	63,7	17,2 - 77,4	Không áp dụng	80	Phó phẩm của chất khử trùng nước uống
HAA5 (ppb)	2025	Không	22,9	10,4 - 24,5	Không áp dụng	60	Phó phẩm của chất khử trùng nước uống

TTHM: Một số người uống nước chứa trihalomethane với nồng độ MCL quá cao trong nhiều năm có thể gặp vấn đề với gan, thận, hoặc hệ thần kinh trung ương, cũng như có thể có nguy cơ mắc ung thư cao hơn.

HAA5: Một số người uống nước chứa axit haloacetic với nồng độ MCL quá cao trong nhiều năm có thể có nguy cơ mắc ung thư cao hơn.

Tóm tắt dư chất khử trùng

Chất gây ô nhiễm (đơn vị)	Năm lấy mẫu	Có/không vi phạm MRDL	Nước của quý khách (RAA)	Phạm vi Thấp - Cao	MRDLG	MRDL	Nguồn gây ô nhiễm được nghi vấn
Clo (ppm)	2025	Không	1,04	0,47 - 1,60	4	4,0	Chất phụ gia nước được sử dụng để kiểm soát vi khuẩn

Chất gây ô nhiễm vô cơ

Chất gây ô nhiễm (đơn vị)	Năm lấy mẫu	Vi phạm MCL Có/Không	Nước của quý khách (trung bình)	Phạm vi Thấp - Cao	MCLG	MCL	Nguồn gây ô nhiễm được nghi vấn
Florua (ppm)	2025	Không	0,65	0,04 - 0,81	4	4	Ăn mòn mỏ thiên nhiên; chất phụ gia nước giúp răng chắc khỏe; thải ra từ các nhà máy phân bón và nhôm

Các chất gây ô nhiễm hóa học hữu cơ tổng hợp (SOC) bao gồm thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ

Chất gây ô nhiễm (đơn vị)	Ngày lấy mẫu	Vi phạm MCL Có/Không	Nước của quý khách (trung bình)	Phạm vi Thấp - Cao	MCLG	MCL	Nguồn gây ô nhiễm được nghi vấn
Dalapon (ppb)	7/10/2025	Không	1,4	ND - 1,4	200	200	Sự rửa trôi thuốc diệt cỏ được sử dụng trên hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng

Độ đục*

Đơn vị đo độ đục (NTU)	Năm lấy mẫu	Vi phạm kỹ thuật xử lý (TT) Có/Không	Nước của quý khách	MCLG	Kỹ thuật xử lý (KTXL) Vi phạm nếu:	Nguồn gây ô nhiễm được nghi vấn
Giá trị Cao nhất trong một lần lấy mẫu Độ đục	2025	Không	0,271	Không áp dụng	Độ đục > 1,0 NTU	Đất chảy
Phần trăm hàng tháng thấp nhất (%) của các mẫu đạt giới hạn về độ đục	2025	Không	100%	Không áp dụng	Ít hơn 95% số đo độ đục hàng tháng $\leq 0,3$ NTU	

* Độ đục (NTU) là một số đo về độ đục của nước. Chúng tôi giám sát số liệu này bởi nó là một chỉ báo tốt cho hiệu quả của hệ thống lọc của chúng tôi. Quy tắc về độ đục yêu cầu 95% mẫu hàng tháng hoặc hơn có độ đục thấp hơn hay bằng 0,3 NTU.

Tổng lượng cacbon hữu cơ (TOC)

Chất gây ô nhiễm (đơn vị)	Năm lấy mẫu	Vi phạm TT Có/Không	Nước của quý khách (RAA thấp nhất)	Phạm vi tỷ lệ loại bỏ hàng tháng Thấp - Cao	MCLG	Vi phạm kỹ thuật xử lý (TT) nếu:	Nguồn gây ô nhiễm được nghi vấn
Tổng lượng cacbon hữu cơ (tỷ lệ loại bỏ) (TOC)-ĐƯỢC XỬ LÝ (ppm)	2025	Không	0,63	0,16 - 1,20	Không áp dụng	Tỷ lệ loại bỏ RAA <1,00 và các tiêu chí tuân thủ khác (ACC) không đạt	Tồn tại tự nhiên trong môi trường

RAA của tỷ lệ loại bỏ của chúng tôi dưới 1,00 trong tất cả các quý trong năm, nhưng đây không phải là vi phạm kỹ thuật xử lý vì chúng tôi đã đáp ứng các tiêu chí tuân thủ thay thế đối với loại bỏ TOC bằng (ACC) Phương pháp #2 vì TOC trong Nước đã qua xử lý của chúng tôi thấp hơn 2,00 ppm.

Quy tắc giám sát chất gây ô nhiễm không được quản lý (UCMR) 5 - Được EPA yêu cầu

(được theo dõi 5 năm một lần)

Chất gây ô nhiễm (đơn vị)	Ngày lấy mẫu	Nước của quý khách (trung bình)	Phạm vi Thấp Cao
PFPeA - Axit Perfluoropentanoic (ppt)	Tháng 8 năm 2023, tháng 11 năm 2023 Tháng 2 năm 2024, tháng 5 năm 2024	0,67	ND - 3.4
PFPeA - Axit Perfluoropentanoic (ppt)	Tháng 8 năm 2023, tháng 11 năm 2023 Tháng 2 năm 2024, tháng 5 năm 2024	0,75	ND - 9.7

Hệ thống nước của chúng tôi đã lấy mẫu rất nhiều chất gây ô nhiễm chưa được quy định. Các chất gây ô nhiễm không được quản lý là những chất mà EPA chưa thiết lập tiêu chuẩn về nước uống. Mục đích của giám sát chất gây ô nhiễm không được quản lý là nhằm hỗ trợ EPA xác định sự xuất hiện của các chất gây ô nhiễm không được quản lý trong nước uống và liệu có cần đưa ra các quy định quản lý trong tương lai hay không. Nếu quý khách quan tâm đến kiểm tra kết quả, vui lòng liên hệ với chúng tôi ở số 704-336-7600, quay số 311, hoặc email utilbill@charlottenc.gov

Quý khách cũng có thể truy cập [Quy tắc Giám sát Chất gây ô nhiễm chưa được quy định của EPA](#) để xem các số liệu về tất cả các hệ thống.

Cryptosporidium

Báo cáo Chỉ số niềm tin người tiêu dùng 2025 - Charlotte Water

Charlotte Water theo dõi hàng quý để phát hiện *Cryptosporidium*. **Không có trường hợp nào được phát hiện** cho năm 2025.

Cryptosporidium là một vi khuẩn gây bệnh được tìm thấy trong nước bề mặt trên khắp Hoa Kỳ. Tuy hệ thống lọc sẽ loại bỏ *Cryptosporidium*, các phương pháp lọc thông dụng nhất không thể đảm bảo việc loại bỏ 100%. Hệ thống giám sát của chúng tôi cho thấy sự tồn tại của các vi sinh vật này trong nguồn nước và/hoặc nước thành phẩm của chúng tôi. Các phương pháp kiểm tra hiện tại không cho phép chúng tôi xác định liệu vi sinh vật đó đã chết hay liệu chúng có thể gây bệnh hay không. Việc ăn *Cryptosporidium* có thể gây cryptosporidiosis, một bệnh nhiễm trùng ổ bụng. Các triệu chứng nhiễm trùng bao gồm buồn nôn, tiêu chảy, và đau bụng. Hầu hết các cá nhân khỏe mạnh đều có thể khỏi bệnh sau một vài tuần. Tuy nhiên, những người bị suy giảm miễn dịch, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, và người cao tuổi có nguy cơ cao hơn bị bệnh nguy hiểm đến tính mạng. Chúng tôi khuyến khích những người bị suy giảm miễn dịch tham vấn bác sĩ về các biện pháp đề phòng phù hợp để tránh bị nhiễm trùng. *Cryptosporidium* phải được ăn vào cơ thể để gây bệnh, và nó có thể được lây lan qua các nguồn khác ngoài nước uống.

Bộ phận PWS yêu cầu việc giám sát cho các chất gây ô nhiễm linh tinh, một số chất đã được EPA quy định tiêu chuẩn nước uống phụ (SMCL) trên toàn quốc bởi chúng có thể gây các hiệu ứng mỹ quan hoặc hiệu ứng thẩm mỹ (ví dụ như vị, mùi, và/hoặc màu sắc) cho nước uống. Các chất gây ô nhiễm với SMCL thường không có tác động đến sức khỏe và thông thường không ảnh hưởng đến sự an toàn của nước.

Các chất gây ô nhiễm đặc trưng khác của nguồn nước – Tại điểm đầu vào hệ thống phân phối

Chất gây ô nhiễm (đơn vị)	Năm lấy mẫu	Nước của quý khách (trung bình)	Phạm vi		MCL phụ
			Thấp	Cao	
Tính kiềm (ppm)	2025	21	17	25	Không áp dụng
Nhôm (ppb)	2025	24	17	38	50-200 ppb
Độ cứng canxi như CaCO ₃ (ppm)	2025	25	21	27	Không áp dụng
Clo (ppm)	2025	6,4	5,5	6,8	250 ppm
Tính dẫn điện (umhos/cm)	2025	95	84	101	Không áp dụng
Độ cứng, Tổng cộng như CaCO ₃ (ppm)	2025	32	27	35	Không áp dụng
Sắt, Tổng cộng (ppb)	2025	5,7	0	35	300
Magiê (ppm)	2025	1,7	1,5	1,8	Không áp dụng
pH	2025	8,5	7,4	9,5	6,5 - 1,57
Silica (ppm)	2025	8,8	8,0	9,6	Không áp dụng
Natri (ppm)	2025	3,6	2,1	4,5	Không áp dụng
Sunfat (ppm)	2025	9,5	8,5	9,9	250 ppm
Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (ppm)	2025	59	52	66	500 ppm

* Bộ phận PWS đã quy định một phạm vi pH là 7,0 - 9,2 cho Charlotte Water để đảm bảo việc xử lý kiểm soát ăn mòn được tối ưu.

Giám sát bổ sung các chất gây ô nhiễm không được quản lý khác

Ngoài việc tham gia vào [Quy tắc giám sát chất gây ô nhiễm không được quản lý của EPA](#), Charlotte Water cũng đang làm việc với một phòng thí nghiệm độc lập được chứng nhận để phân tích các mẫu nước uống nhằm phát hiện các chất gây ô nhiễm không được quản lý khác.

Các bảng sau chỉ phản ánh kết quả khi một chất gây ô nhiễm được phát hiện. Một danh sách đầy đủ các chất gây ô nhiễm không được phát hiện có thể được tìm thấy trên website của chúng tôi tại:

<https://www.charlottenc.gov/water/Water-Quality/CCR#tabs>

Bảng 1 - Chất gây ô nhiễm được quản lý bởi EPA:

Các chất gây ô nhiễm sau hiện đang được quản lý bởi EPA và do đó, đều có MCL. Tuy nhiên, phương pháp phân tích hiện đang được EPA phê duyệt cho các chất gây ô nhiễm được liệt kê dưới đây, không có cấp độ phát hiện thấp như dịch vụ được phòng thí nghiệm độc lập của chúng tôi cung cấp. Do đó, lượng nhỏ các chất gây ô nhiễm này được coi là không được phát hiện bởi EPA.

Chất gây ô nhiễm (đơn vị)	Kết quả (cao nhất)	MCL	Cố vấn sức khỏe của EPA (DWEL)
Mangan (ppb)	4,5	50*	1.600

Định nghĩa từ EPA Ấn bản 2018 về Tiêu chuẩn nước uống và Bảng cố vấn sức khỏe:

MCL: Cấp độ chất gây ô nhiễm tối đa

Cố vấn sức khỏe (HA): Một ước tính về cấp độ nước uống chấp nhận được cho một hóa chất dựa trên thông tin về tác động đến sức khỏe; HA không phải là một tiêu chuẩn thi hành được về mặt pháp lý của Liên bang, nhưng có tác dụng như một hướng dẫn kỹ thuật nhằm hỗ trợ các viên chức Liên bang, Tiểu bang và địa phương.

DWEL: Cấp độ tương đương với nước uống. DWEL là một cấp độ về phơi nhiễm trọn đời với nước uống, giả sử là phơi nhiễm 100% từ phương tiện đó, mà ở cấp độ đó, các tác động tiêu cực, không ung thư được kỳ vọng là sẽ không xảy ra.

* Quy định quản lý DW thứ cấp: Hướng dẫn không thi hành được. Chất gây ô nhiễm có thể gây các hiệu ứng thẩm mỹ cho nước uống.

Bảng 2 - Chất gây ô nhiễm không được quản lý bởi EPA (không phải MCL):

Chất gây ô nhiễm (đơn vị)	Kết quả (cao nhất)	Cổ vấn sức khỏe của EPA (DWEL được sử dụng trừ khi có lưu ý khác đi)
Acesulfame K (ppb)	0,04	
Axit bromochloroacetic (ppb)	4,2	
Axit bromodichloroacetic (ppb)	2,4	
Caffeine (ppb)	0,25	
Crom, Hóa trị 6 (ppb)	0,11	
Dichloroacetonitrile (ppb)	1,2	
Iodate (ppb)	6,9	
Iohexol (ppb)	0,07	
Perchlorate (ppb)	0,07	25 ²
Chất vĩnh cửu (Perfluorobutanoic acid - PFBA) (ppt)	2,1	
Axit perfluorohexanoic (PFHxA) (ppt)	2,2	
Axit perfluoropentanoic (PFPeA) (ppt)	2,5	
Axit salicylic (ppb)	2,5	
Strontium (ppb)	36	20.000 ¹
Sucralose (ppb)	1,1	

Định nghĩa từ EPA Ấn bản 2018 về Tiêu chuẩn nước uống và Bảng cổ vấn sức khỏe:

Cổ vấn sức khỏe (HA): Một ước tính về cấp độ nước uống chấp nhận được cho một hóa chất dựa trên thông tin về tác động đến sức khỏe; HA không phải là một tiêu chuẩn thi hành được về mặt pháp lý của Liên bang, nhưng có tác dụng như một hướng dẫn kỹ thuật nhằm hỗ trợ các viên chức Liên bang, Tiểu bang và địa phương.

¹ DWEL: Cấp độ tương đương với nước uống. DWEL là một cấp độ về phơi nhiễm trọn đời với nước uống, giả sử là phơi nhiễm 100% từ phương tiện đó, mà ở cấp độ đó, các tác động tiêu cực, không ung thư được kỳ vọng là sẽ không xảy ra.

² Giá trị cận mãn tính cho phụ nữ có thai.